TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HS-ST
Ngày 11-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Bùi Thuý Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1998 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H; có vợ là Phạm Thu T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 03/8/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Trần Văn C, sinh năm 1998 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Khu dân cư A, phường A, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Vũ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 03/8/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Trần Văn T, sinh năm 1988 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 5 phố P, phường T, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị T; có vợ là Phùng Thị H và 02 con; Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 24/3/2021, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc (số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.050.000 đồng). Do bản án có kháng cáo nên tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2021/HS-PT ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã sửa bản án số 15/2021/HS-ST ngày 24/3/2021, xử phạt T 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06/7/2021 về tội Đánh bạc. T chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 06/9/2022, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/6/2021 (chưa được xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 03/8/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Nguyễn Đăng T, sinh năm 2000 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Khu P, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng Tựa và bà Nguyễn Thị Vân; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 100/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2018, C an thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã xóa).

Bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 03/8/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Ch:* Bà Trương Thị Hoà - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trương Thị Mỹ H; chị Lô Thị H; chị Lò Thị T; anh Đào Văn V; anh Nguyễn Văn H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24/7/2023, tại phòng Vip999 quán Karaoke M thuộc thôn 9, xã K, huyện T, thành phố H, Đội điều tra tội phạm về ma túy C an huyện Thủy Nguyên kết hợp với C an xã Kỳ Sơn phát hiện, bắt quả tang các đối tượng Nguyễn Văn C, Trần Văn C, Trần Văn T, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 06/4/2007, trú tại xã Ea Đa, huyện Ea Kar, tỉnh Đắc Lắc; Lô Thị Hiền, sinh ngày 03/9/2004, trú tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An và Lò Thị T, sinh ngày 29/4/2007, trú tại xã Chiềng La, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Nguyễn Đăng T (quản lý của quán) có hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Thu tại phòng hát: 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 25cm, trong lòng đĩa chứa tinh thể màu trắng, 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cố

định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá bám dính tinh thể màu trắng; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên TRAN VAN CHIEN bám dính tinh thể màu trắng, 01 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm bám dính tinh thể màu trắng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 34D1-513.72; tạm giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, của Thơ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen. Tại thời điểm bắt giữ tại quán Karaoke M còn có anh Đào Văn V, sinh năm 1986, trú tại Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên là chủ quán và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, trú tại xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng là nhân viên; tạm giữ của của V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, của Hào 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh.

Xét nghiệm nước tiểu của các đối tượng, kết quả: C, C, T, H, H, T đều dương tính với MDMA và Ketamine; V, T, H đều âm tính với các chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 634/KL-KTHS ngày 31/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an thành phố Hải Phòng kết luận: tinh thể màu trắng thu trên đĩa sứ có khối lượng 0,15g, loại Ketamine; tinh thể màu trắng trong túi nilon, bám dính trên đĩa sứ, thẻ nhựa và ống cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng là ma túy Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo C, T, C, Đăng T thống nhất khai nhận: Khoảng tháng 6/2023, Nguyễn Đăng T, anh Nguyễn Văn Hào đến gặp anh Đào Văn V (chủ quán Karaoke M) đặt vấn đề liên kết kinh doanh karaoke. Giữa T, anh V, H thống nhất: T có trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động của quán từ đón khách, bố trí phòng, báo nhân viên, thu tiền của khách; anh H có nhiệm vụ gọi nhân viên, chở nhân viên đến các quán hát; anh V sẽ lấy tiền giờ hát, tiền đồ ăn, đồ uống của khách còn tiền nhân viên phục vụ (200.000 đồng/giờ/nhân viên) sau khi trả cho nhân viên 130.000đồng/giờ, còn lại 70.000 đồng T, anh H được hưởng, chia đôi, anh V không phải trả tiền C cho T, H. T quản lý nhân viên và cho nhân viên ăn, ở sinh hoạt tại quán; Vinh không quản lý, thu tiền ăn, ở của nhân viên. Khi có khách thanh T tiền, T viết 02 tờ hóa đơn nội dung như nhau, tờ giao cho khách, 01 tờ để quyết T với V. Mỗi lần quyết T, anh V thu 200.000 đồng/giờ cùng tiền đồ ăn uống. Quyết T xong, anh V và T hủy hóa đơn để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện do quán đang trong thời gian tạm dừng chờ hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy. Riêng T tự quy định nếu có khách yêu cầu nhân viên cùng sử dụng ma túy với khách thì T tăng tiền nhân viên phục vụ lên 250.000 đồng/giờ (số tiền này T trả cho nhân viên 160.000 đồng/giờ/nhân viên, còn 90.000 đồng T được hưởng), việc này T không cho anh V, anh H biết.

Khoảng 21 giờ ngày 24/7/2023, Nguyễn Văn C, Trần Văn C, Trần Văn T đến nhà C tại phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tại đây, C rủ C, T sang huyện Thủy Nguyên thuê phòng hát karaoke để sử dụng ma túy, C và T đồng ý. Cả ba bàn bạc, thống nhất: C sẽ bỏ tiền đi mua ma túy (03 viên thuốc lắc và 01 chỉ Ketamine), trả tiền phòng hát và nhân viên phục vụ trước, sau đó hết bao nhiêu sẽ chia ba. Sau đó, C nhắn tin cho Nguyễn Đăng T (quản lý quán Minh Thanh) hỏi "bây giờ chơi có ổn không? em có ba người sang chơi", T hiểu là C thuê phòng hát sử dụng ma túy nên đã trả lời "có". C điện thoại nhờ T mua giúp ma túy nhưng T bảo không biết chỗ mua. Sau đó, T đi về nhà cất xe máy, C ở lại đợi C, còn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34D1-513.72 đến khu vực chợ phường An Trung, thị xã Kinh Môn mua của người tên Hiếu (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) 01 chỉ Ketamine và 03 viên ma túy thuốc lắc với giá 2.250.000 đồng.

Mua được ma túy, C quay lại đón C, T. Cả ba đi trên một xe mô tô sang quán Karaoke Minh Thanh. Khi đi qua cầu Dinh thuộc địa phận xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, C bỏ thuốc lắc ra, mỗi người sử dụng nửa viên bằng nước lọc mang theo sẵn. Khi đến quán Minh Thanh, T hỏi C có cần nhân viên phục vụ không thì C bảo có và hỏi T cho mượn đĩa sứ để sử dụng ma túy. T dẫn nhóm C lên phòng Vip999 ở tầng 2 rồi bảo anh Hào điều 03 nhân viên nữ là Trương Thị Mỹ H, Lô Thị H và Lò Thị T lên phòng phục vụ nhóm C. T đi xuống tầng một lấy 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng đường kính khoảng 25cm mang lên phòng hát và bảo nhóm C "chơi xong thì để đĩa sang phòng bên cạnh". Tại phòng Vip999: C cho thuốc lắc còn lại vào cốc, dùng đầu chai nước ngọt sting nghiền và đổ nước sting vào. C cầm cốc nước chứa thuốc lắc mời H, H, T mỗi người sử dụng 01 ngụm. C lấy trong người ra một tờ tiền 10.000 đồng cuộn thành ống, bóc hai vỏ đầu lọc thuốc lá, cố định thành tẩu, lấy thẻ ATM của C đưa cho C làm C cụ sử dụng Ketamine. C lấy túi Ketamine đổ hết ra đĩa, xào kẻ, C sử dụng bốn đường rồi mời mọi người sử dụng. Bản thân C, T, H mỗi người sử dụng 02 đường Ketamine, H và T mỗi người sử dụng 01 đường Ketamine. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị cơ quan C an bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Đây là lần đầu tiên T cho khách sử dụng ma túy túy tại phòng hát; việc cho nhóm C sử dụng ma túy, T không cho anh V, H biết.

Tại Cơ quan điều tra, Chị Trương Thị Mỹ H, Lò Thị T, Lô Thị H, anh Đào Văn V, Nguyễn Văn H khai phù hợp với nội dung trên. Anh V, anh H không được bàn bạc, không biết T cho nhóm C cùng nhân viên nữ sử dụng ma túy tại quán hát.

Vật chứng của vụ án: Số ma túy (0,1 gam Ketamine) cùng vỏ bao bì còn lại sau giám định, 01 đĩa sứ (hình tròn, màu trắng, đường kính 25cm), 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên TRAN VAN CHIEN, 01

vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu của C, T chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản lý.

Đối với điện thoại di động thu của C, T, Vinh, H, H, T, H, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả cho gia đình C, T, trả lại cho V, H, H, T, H. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-513.72 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra, xử lý sau.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSTN ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn C, Trần Văn C, Trần Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Đăng T bị truy tố về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên. Các bị cáo nhất trí với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đều vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và được C bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng đã C bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C với mức án từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn C với mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T với mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đăng T với mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

- Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì

niêm phong số 634MT/PC09 có 0,1 gam Ketamine còn lại sau giám định; 01 phong bì giấy niêm phong số 634MT -A/PC09 chứa 01 đĩa sứ (hình tròn, màu trắng, đường kính 25cm), 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên TRAN VAN CHIEN, 01 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm; Tịch thu sung C số tiền 10.000 đồng trong phong bì giấy niêm phong số 634MT -B/PC09. Tịch thu phát mại sung C 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu xám thu giữ của Nguyễn Đăng T.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Đăng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Trần Văn C thuộc hộ cận nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn C phát biểu: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo Trần Văn C về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên thu thập; các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những tài liệu chứng cứ đã được thu thập, cung cấp. Do đó những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và điều luật áp dụng

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và C bố C khai tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định: Ngày 24/7/2023, tại quán Karaoke Minh Thanh thuộc thôn 9, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn C, Trần Văn C, Trần Văn T cùng chung ý chí, có hành vi chuẩn bị ma túy (Ketamine), dụng cụ và tìm người là Trương Thị Mỹ Hoa, Lò Thị Thơ và Lô Thị Hiền để cùng sử dụng trái phép chất ma túy; Nguyễn Đăng T có hành vi cho C, T, C thuê phòng, mượn dụng cụ (đĩa) để C, C, T, Hoa, Thơ, Hiền

sử dụng trái phép ma túy tại quán hát thuộc quyền quản lý của mình để thu lợi. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn C, Trần Văn C, Trần Văn T đủ cơ sở kết luận cấu thành đồng phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của Nguyễn Đăng T đủ cơ sở kết luận phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về định khung hình phạt:

[4] Các bị cáo C, C, T góp tiền mua ma tuý về sử dụng ma tuý và mời Lô Thị Hiền, Trương Thị Mỹ H (16 tuổi 3 tháng 18 ngày), Lò Thị T (16 tuổi 02 tháng 25 ngày) cùng sử dụng nên các bị cáo đều phải chịu các tình tiết định khung hình phạt là *"Đối với 02 người trở lên*" và "*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi"* theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T cho C, C, T thuê địa điểm và mượn dụng cụ để sử dụng ma tuý nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt "*Đối với 02 người trở lên"* theo quy định tại điểm điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[5] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về cất giữ các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục và răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung.

- Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[6] Vụ án có đồng phạm; C là người đề xuất, ứng tiền mua ma tuý, lên kế hoạch, đặt quán hát, trực tiếp mua ma túy, pha thuốc lắc, đánh Ketamine và mời mọi người sử dụng nên vai trò của bị cáo C là cao hơn so với bị cáo C, T. Bị cáo C tiếp nhận ý chí sử dụng ma tuý của C, đồng ý góp tiền mua ma tuý và sử dụng ma tuý, là người bỏ tờ tiền 10.000 đồng đưa C sử dụng làm ống hút Ketamine nên vai trò của C thấp hơn C nhưng cao hơn T. T là người tiếp nhận ý chí của C nên có vai trò thấp nhất. Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý chỉ có T thực hiện, T không nói cho

ai biết nên không xét vai trò đồng phạm đối với hành vi phạm tội của T.

[7] Các bị cáo C, C, T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có 01 tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2021/HS-PT ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Đánh bạc. Ngày 24/7/2023, lại phạm tội mới nên chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này, T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Trần Văn C có ông nội được thưởng Huy chương C sỹ giải phóng, Nguyễn Văn C có ông bà ngoại là thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước nên C, C còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 251 và khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 634MT/PC09 có 0,1 gam Ketamine và vỏ bao bì còn lại sau giám định do là vật nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu 01 phong bì giấy niêm phong số 634MT -A/PC09 chứa 01 đĩa sứ (hình tròn, màu trắng, đường kính 25cm), 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên TRAN VAN CHIEN, 01 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm do là phương tiện dụng cụ dùng để sử dụng ma tuý.

- Tịch thu sung C số tiền 10.000 đồng trong phong bì giấy niêm phong số 634MT -B/PC09 là phương tiện dụng cụ dùng để sử dụng ma tuý.

- Tịch thu phát mại sung C 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu xám thu giữ của Nguyễn Đăng T là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc cho việc sử dụng ma tuý.

Đối với điện thoại di động thu của C, T, Vinh, Hào, Hiền, Thơ, Hoa, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả cho gia đình C, T, trả lại cho Vinh, Hào, Hiền, Thơ, Hoa nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-513.72 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Đối với Trương Thị Mỹ H, Lò Thị T và Lô Thị H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, C an huyện Thủy Nguyên đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính, nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Đối với anh Đào Văn V, Nguyễn Văn H là chủ, nhân viên của quán hát nhưng không biết T cho các đối tượng sử dụng ma túy tại phòng hát nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[13] Đối tượng bán ma túy cho Nguyễn Văn C, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Đăng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Văn C thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: **Nguyễn Văn C** phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: **Nguyễn Văn C** 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/7/2023.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Trần Văn C** phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: **Trần Văn C** 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/7/2023.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Trần Văn T** phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: **Trần Văn T** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/7/2023.

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Nguyễn Đăng T** phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: **Nguyễn Đăng T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/7/2023.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 634MT/PC09 có 0,1 gam Ketamine và vỏ bao bì còn lại sau giám định.

Tịch thu 01 phong bì giấy niêm phong số 634MT -A/PC09 chứa 01 đĩa sứ (hình tròn, màu trắng, đường kính 25cm), 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên TRAN VAN CHIEN, 01 vỏ túi nilon kích thước (2,5x2,5)cm.

Tịch thu sung C số tiền 10.000 đồng trong phong bì giấy niêm phong số 634MT -B/PC09.

Tịch thu phát mại sung C 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu xám thu giữ của Nguyễn Đăng T.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKSTN ngày 25/12/2023; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2024/43 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Đăng T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn C được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Bùi Thuý Mở** **Lương Ngọc Dũng**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan Điều tra C an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS C an huyện Thủy Nguyên;
- PV 06 C an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam C an TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng